

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở chính: Số 69, phố L, Phường H, Quận M, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Ấp X, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà A, theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 02 năm 2018

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị K và anh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị K và anh N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị K và anh N thống nhất giao cháu T, sinh ngày 20/11/2003 cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu T đang sống chung với chị Kiều.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Chị K và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Đình chỉ về việc yêu cầu chia đôi số nợ chung 25.000.000 đồng của chị K đối với anh N. Do chị K và anh N với Ngân hàng C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.6. Án phí Dân sự về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng. Chị K và anh N mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Tuy nhiên, chị K tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí 150.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Chị K đã nộp tạm ứng án phí 613.000 đồng theo Biên lai thu số 0004926 ngày 09/8/2019, đối trừ số tiền án phí, chị K được hoàn lại 463.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện M;
- CC THADS huyện M;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ, tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thụy Lan Chi